

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 52/2021/HS-GĐT

Ngày 12-11-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cò.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Trí Tuệ, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Nguyễn Biên Thùy và bà Lương Ngọc Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nông - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 4, xã NN, huyện ND, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: lớp 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh (Giám đốc Công ty TNHH nhân lực HA); tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Kh, có vợ (đã ly hôn) và 02 con, tiền án, tiền sự: không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1953; trú tại: thôn HD, xã BN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

2. Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1984; trú tại: thôn NH, xã HT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình.

3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; trú tại: tổ dân phố MH, phường QP, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình.

4. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1961; trú tại: Khối 2, phường NT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An.

5. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1972; trú tại: Thôn 9, xã XT, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Anh Lê Văn L1, sinh năm 1994; trú tại: thôn NH, xã NT, huyện BT, tỉnh

Quảng Bình.

7. Anh Ngô Xuân L2, sinh năm 1974; trú tại: thôn NQ, xã NT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình.

8. Anh Cao Đình M1, sinh năm 1989; trú tại: đường TT, khối QT, phường HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

9. Bà Nguyễn Thị Tr1, sinh năm; trú tại: xã ĐS, huyện DL, tỉnh Nghệ An.

10. Ông Phan Văn D, sinh năm 1986; trú tại: xã TL, huyện TL, tỉnh Nghệ An.

11. Ông Phan Hữu T, sinh năm 1972; trú tại: xã XM, huyện NX, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9 năm 2016, vì muốn đi nước ngoài lao động, làm ăn nên 09 công dân của tỉnh Quảng Bình gồm: Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hồng Tr2, Phan Thị D1, Nguyễn Văn H1, Lê Xuân H2, Lê Văn L1, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A và Hoàng Thanh H3 đã thông qua các môi giới là Lê Văn H, Lê Thanh Đ, Nguyễn Văn M đều ở Quảng Bình để nhờ giới thiệu, giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục xuất cảnh đi Nhật Bản.

Qua sự giới thiệu của các môi giới, 09 công dân trên đã đồng ý để các môi giới làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản cho mình với giá từ 9.000 - 14.000USD/người, sẽ được hưởng mức lương là 2000USD/tháng (tương đương từ 40.000.000-45.000.000VNĐ/tháng), cụ thể:

Được sự tư vấn, giới thiệu của Nguyễn Đình Tr về đường dây đưa người sang Nhật Bản làm ăn bằng hình thức du lịch rồi ở lại Nhật Bản sẽ được bố trí công việc làm, nơi ăn ở. Lê Văn H đã thu hồ sơ và tiền cọc của Lê Xuân H2, Lê Văn L1, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A và Hoàng Thanh H3 mỗi người 1.000USD rồi mang đến Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA của Nguyễn Đình Tr để Tr làm thủ tục cho 05 người này đi Nhật Bản với chi phí 9.500USD đến 10.000USD mỗi người; Nguyễn Văn M giới thiệu Nguyễn Thanh Th và Nguyễn Hồng Tr2 gặp Nguyễn Ngọc L ở Nghệ An để làm thủ tục đi Nhật Bản với giá 200.000.000đồng/người, L nhận hồ sơ và tiền đặt cọc của mỗi người 10.000.000 đồng rồi chuyển cho Nguyễn Đình Tr; Lê Thanh Đ nhận giúp làm thủ tục xuất cảnh cho Phan Thị D1 và Nguyễn Văn H1 đi Nhật Bản với giá 14.000USD, Đ đã chuyển hồ sơ của D1 và H1 cho Lãng Minh Th1.

Kết quả điều tra xác định, ngoài 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình nêu trên, trong đoàn xuất cảnh sang Nhật Bản bằng hình thức du lịch vào ngày

14/11/2016 còn có 11 người lao động khác là Nguyễn Văn T1, Trần Đình H4, Nguyễn Văn Ng, Cao Đình M1, Phan Văn D, Nguyễn Thị Tr1, Nguyễn Văn Ph, Phan Hữu T, Trần Văn Đ1, Lê Thị Kim H5 và Đặng Thị D2. Trong số 11 người này, Nguyễn Đình Tr đã trực tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 5 người ở Nghệ An là Cao Đình M1, Nguyễn Thị Tr1, Phan Văn D, Phan Hữu T và Trần Văn Đ1, số còn lại chưa xác định được nộp hồ sơ cho ai (vì hiện nay Lãng Minh Th1 đang bỏ trốn; Trương Hoàng G đã chết).

Sau khi nhận hồ sơ và tiền đặt cọc của những người trên do Lê Văn H, Nguyễn Ngọc L, Lê Thanh Đ chuyển đến, Nguyễn Đình Tr, Lãng Minh Th1 và các đối tượng trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả hợp đồng lao động cho các công dân thành nhân viên của một số công ty có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, lập giấy xác nhận việc công ty cho họ được nghỉ phép để đi du lịch rồi nộp hồ sơ thông qua Công ty TNHH thương mại du lịch K, có trụ sở tại 624 NT, phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (*đây là một trong 50 Công ty được Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho tiếp nhận hồ sơ xin cấp Visa nhập cảnh du lịch Nhật Bản*) để xin cấp Visa cho những người này đi du lịch Nhật Bản trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 18/11/2016 với chi phí là 36.200.000 đồng/người, cụ thể:

- Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh Th, Trần Đình H4 là nhân viên của Công ty TNHH một thành viên hóa chất QH có trụ sở tại phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Văn H1, Lê Xuân H2, Phan Thị D1, Lê Văn L1 là nhân viên của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PGL có trụ sở tại BH, phường MB, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngô Bình A, Hoàng Thanh H3 là nhân viên của Công ty TNHH thương mại SG có trụ sở tại 01 ĐVS, phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Văn Ph, Cao Đình M1 là nhân viên của Công ty TNHH sản xuất, thương mại, dịch vụ HPT có trụ sở tại HC, phường TMT, quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phan Hữu T, Trần Văn Đ1 là nhân viên của Công ty TNHH dịch vụ C có trụ sở tại: khu phố 7, phường HCB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngô Xuân L2, Nguyễn Thị Tr1, Phan Văn D là nhân viên của Công ty cổ phần BC có trụ sở tại 12 TT, phường TP, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Hồng Tr2 và Nguyễn Văn Ng là nhân viên của Công ty TNHH KN Việt Nam có trụ sở tại đường VH, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lê Thị Kim H5, Đặng Thị D2 là nhân viên của Công ty TNHH TTP có

trụ sở tại phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi có được Thị thực (Visa) nhập cảnh Nhật Bản bằng hình thức du lịch cho các công dân do Công ty TNHH thương mại du lịch K cung cấp, Nguyễn Đình Tr và Lăng Minh Th1 đã thông báo cho các môi giới hướng dẫn, đưa 20 người vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xuất cảnh. Chiều tối ngày 14/11/2016, các công dân trên được tập hợp tại khách sạn đường PVT, phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, 20 người được Tr dẫn dò, hướng dẫn cách thức đi Nhật Bản và cách đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi. Tr nói: *"nếu có người hỏi thì nói là đi du lịch 04 ngày 03 đêm, không được nói là đi lao động làm ăn và mang theo ít hành lý để tránh sự nghi ngờ khi qua hải quan cửa khẩu"*. Nguyễn Đình Tr đưa cho mỗi người một "Biên bản thỏa thuận" có chữ ký và con dấu của Công ty TNHH HA do Tr làm giám đốc, nội dung bản thỏa thuận là *"Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA có trách nhiệm giúp đỡ, bố trí công ăn việc làm và đảm bảo an ninh cho các lao động trong thời gian 01 năm, với mức lương là 2000USD/tháng..."*. Tối cùng ngày, 20 công dân nêu trên được Công ty TNHH thương mại du lịch K làm thủ tục xuất cảnh du lịch sang Nhật Bản. Sau khi trốn ở lại Nhật Bản, vì không có việc làm ổn định nên một số người đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt nam, sau đó những người này làm đơn tố cáo Nguyễn Đình Tr.

Cơ quan điều tra đã xác minh: người đại diện ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH thương mại du lịch K là ông Trần Văn Đ1. Nguyễn Đình Tr là người đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm cho công ty để đoàn khởi hành đúng ngày. Công ty PGL, Công ty hóa chất QH và Công ty SG không ký hợp đồng lao động với các nhân viên Nguyễn Văn H1, Lê Xuân H2, Phan Thị D1, Lê Văn L1, Nguyễn Thanh Th, Hoàng Thanh H3, Ngô Bình A và không tổ chức cho nhân viên đi du lịch Nhật Bản. Cơ quan điều tra thu thập mẫu dấu và chữ ký của giám đốc của các công ty trên trong các hợp đồng lao động, kết quả giám định đều là giả, cụ thể:

Kết luận giám định số 417/PC54(GĐ) ngày 11/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình xác định: Mẫu dấu và chữ ký trong hợp đồng lao động của Nguyễn Văn H1, Lê Xuân H2, Phan Thị D1, Lê Văn L1 so với mẫu dấu, chữ ký do Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PGL cung cấp không phải do cùng một con dấu và cùng một người ký ra; mẫu dấu và chữ ký trong hợp đồng lao động của Hoàng Thanh H3, Ngô Bình A so với mẫu dấu, chữ ký do Công ty TNHH thương mại SG cung cấp không phải do cùng một con dấu, cùng một người ký ra; mẫu dấu và chữ ký trong hợp đồng lao động của Nguyễn Thanh Th so với mẫu dấu, chữ ký do Công ty TNHH MTV hóa chất QH cung cấp không phải do cùng một con dấu và cùng một người ký ra.

Kết luận giám định số 1056/PC09(GĐ) ngày 17/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đối với: “Biên bản thỏa thuận”, Bên A là Nguyễn Đình Tr và Bên B là Ngô Xuân L2. Giám định hình dấu tròn trên “Biên bản thỏa thuận” với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình Tr dưới mục “Bên A” trên “Biên bản thỏa thuận” cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình Tr là do cùng một người ký ra. Các chữ số “21”, “09”, “016” tại dòng “ngày tháng năm” của mục “Bên A” trên “Biên bản thỏa thuận” cần giám định với chữ viết của Nguyễn Đình Tr là do cùng một người viết ra.

Kết luận giám định số 225/PC09(GĐ), ngày 05/3/2019 và số 255/EC09(GĐ), ngày 22/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đối với: “Biên bản thỏa thuận” giữa Bên A là Nguyễn Đình Tr, Bên B là Trần Văn Đ1 và “Biên bản thỏa thuận” giữa Bên A là Nguyễn Đình Tr, Bên B là Cao Đình M1. Giám định hình dấu tròn trên 02 “Biên bản thỏa thuận” này với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình Tr dưới mục “Bên A” trên 02 “Biên bản thỏa thuận” cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình Tr là do cùng một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký của Trương Hoàng G trên hồ sơ đăng ký kinh doanh lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và chữ ký của Trương Hoàng G trên bản gốc 02 tài liệu (gồm 01 “Bản cam kết” lập ngày 16/8/2016 giữa Bên A là ông Trương Hoàng G và bên B là Nguyễn Đình Tr, nội dung cam kết những vấn đề liên quan đến đi Nhật Bản của các lao động; và 01 “Biên bản giao nhận tiền” lập ngày 14/11/2016, nội dung thu và nộp hộ số tiền 34.500USD của các lao động) do Nguyễn Đình Tr giao nộp tại phiên tòa ngày 23/12/2009 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Đình Tr 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngày 11/5/2020, Nguyễn Đình Tr kháng cáo kêu oan.

Ngày 11, 12, 13/5/2020, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn H, ông Trần Văn Đ1, ông Phan Hữu T, anh Phan Văn D, anh Lê Văn L1 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2021/HSPT ngày 10/3/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm

của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để điều tra lại.

Tại Công văn số 839/BC-LN ngày 27/4/2021, Liên ngành Tư pháp tỉnh Quảng Bình kiến nghị, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2021/HSPT ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tại Quyết định Kháng nghị số 10/2021/KN-HS ngày 23/7/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2021/HSPT ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyễn Đình Tr là Giám đốc Công ty TNHH nhân lực quốc tế HA có chức năng giới thiệu, cung ứng lao động trong nước, không có chức năng đưa người đi lao động ở nước ngoài. Tr đã giới thiệu, tư vấn về đường dây đưa người đi lao động tại Nhật Bản bằng hình thức du lịch rồi trốn ở lại Nhật Bản sẽ được bố trí nơi làm việc, nơi ăn ở. Được sự giới thiệu của Tr, các môi giới Lê Văn H nhận làm hồ sơ cho 05 người, Nguyễn Ngọc L thông qua Nguyễn Văn M làm hồ sơ cho 02 người. Thông qua mối quan hệ với Lăng Minh Th1, Lê Thanh Đ đã nhận làm hồ sơ cho 02 người. Các môi giới đã thu tiền, hồ sơ của 09 người lao động tại Quảng Bình rồi nộp cho Tr và Th1. Trong số 20 người lao động đi Nhật Bản vào ngày 14/11/2016 thì Tr trực tiếp thu tiền, nhận hồ sơ của 05 người lao động ở Nghệ An là Cao Đình M1, Nguyễn Thị Tr1, Trần Văn Đ1, Phan Hữu T, Phan Văn D và nhận hồ sơ của 09 người lao động ở Quảng Bình do các môi giới nộp, gồm Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Hồng Tr2, Phan Thị D1, Nguyễn Văn H1, Lê Xuân H2, Lê Văn L1, Ngô Xuân L2, Ngô Bình A và Hoàng Thanh H3.

[2] Theo quy định của Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản, người có nhu cầu xin cấp Thị thực (Visa) để đi du lịch Nhật Bản cần phải nộp đủ các loại giấy tờ gồm: Các giấy tờ tùy thân bản sao có công chứng (hộ khẩu, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân/thẻ căn cước, hộ chiếu bản gốc, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân); giấy tờ chứng minh có việc làm ổn định tại cơ quan/doanh nghiệp, bảng lương 3 tháng gần nhất, hợp đồng lao động và giấy nghỉ phép đến Nhật Bản có xác nhận của cơ quan/doanh nghiệp; sao kê giao dịch ngân hàng trong 3 tháng gần nhất, giấy tờ chứng minh có nguồn tiền tiết kiệm đảm bảo có số dư tối thiểu 5.000 USD (phải gửi ít nhất 3 tháng); có lịch trình đi du lịch Nhật Bản rõ ràng

thể hiện có nơi ăn ở và có xác nhận đặt phòng khách sạn cụ thể. Trong đó, Công ty TNHH thương mại du lịch K là một trong 50 Công ty được Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền tiếp nhận hồ sơ xin cấp Thị thực nhập cảnh du lịch Nhật Bản. Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp Thị thực, nhân viên công ty phải kiểm tra hồ sơ có đầy đủ giấy tờ thì công ty gửi hồ sơ về Lãnh sự quán Nhật Bản, sau khoảng 01 tuần sẽ được Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản cấp Thị thực đối với hồ sơ đủ điều kiện.

[3] Sau khi nhận hồ sơ (sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, hộ chiếu) và tiền đặt cọc của những người lao động, Nguyễn Đình Tr, Lãng Minh Th1 và các đối tượng trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả Hợp đồng lao động cho những người lao động này thành nhân viên của một số công ty có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, lập Bảng xác nhận thu nhập, Đơn xin nghỉ phép có đóng dấu xác nhận của công ty về việc công ty cho nhân viên được nghỉ phép để đi du lịch; nộp giấy xác nhận số dư tài khoản của ngân hàng. Sau đó nộp hồ sơ cho Công ty TNHH thương mại du lịch K để xin cấp Thị thực cho những người này được đi du lịch Nhật Bản.

[4] Khi nhận được Visa, Nguyễn Đình Tr và Lãng Minh Th1 thông báo cho các môi giới đưa các công dân trên vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục đi Nhật Bản. Chiều ngày 14/11/2016, tất cả những người lao động tập trung tại khách sạn Ed ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Tr đưa cho mỗi người một “Biên bản thỏa thuận” có chữ ký của Tr và con dấu Công ty của Tr về việc Công ty nhân lực quốc tế HA có trách nhiệm giúp đỡ, bố trí công ăn việc làm và đảm bảo an ninh cho các lao động trong thời gian 01 năm, với mức lương là 2000USD/tháng và một bản Hợp đồng lao động thể hiện các lao động là nhân viên của các công ty khác nhau có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tr dặn dò, hướng dẫn cụ thể cách thức đi Nhật Bản và cách thức đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi. Đến tối cùng ngày, những người lao động được Công ty TNHH thương mại du lịch K làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản đi du lịch. Sáng ngày 15/11/2016 đến Nhật Bản họ được đưa đi tham quan, tối về nghỉ tại khách sạn. Sáng hôm sau, hướng dẫn viên phát hiện đoàn khách du lịch mất tích và báo về Công ty du lịch K. Nhận được thông tin đoàn khách du lịch mất tích, Công ty đã báo cáo Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và Cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an. Sau khi trốn ở lại Nhật Bản, vì không có việc làm ổn định, không có giấy tờ hợp pháp, một số người bị đuổi việc, một số người bị bắt giữ nên những người này đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt Nam.

[5] Kết quả xác minh tại một số công ty như Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PGL, Công ty TNHH thương mại SG, Công ty TNHH MTV hóa chất

QH đều khẳng định không ký hợp đồng lao động với các lao động nêu trên và không cho nhân viên nghỉ phép đi du lịch Nhật Bản. Các lao động cũng khẳng định chưa bao giờ làm việc tại các công ty này. Kết quả giám định các hợp đồng lao động và giấy xác nhận cho nhân viên nghỉ phép là giả, không phải của các công ty phát hành. Hai tài liệu gồm “Bản cam kết” lập ngày 16/8/2016 do Nguyễn Đình Tr và ông Trương Hoàng G ký có nội dung cam kết về những vấn đề liên quan đến đi Nhật Bản và “Biên bản giao nhận tiền” lập ngày 14/11/2016 có nội dung thu và nộp hộ số tiền 34.500 USD của các lao động nộp, được giám định chữ ký của ông Trương Hoàng G trên hai tài liệu này là giả mạo.

[6] Do Lăng Minh Th1 bỏ trốn chưa bắt được, Trương Hoàng G đã chết nên chưa khẳng định được Nguyễn Đình Tr là người chủ mưu nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, kết luận giám định, lời khai của những người lao động trở về từ Nhật Bản có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Nguyễn Đình Tr là người giới thiệu, tư vấn về đường dây đi lao động tại Nhật Bản, Tr liên hệ với G và Th1 tổ chức cho 20 người khác đi du lịch Nhật Bản với mục đích để những người này trốn ra nước ngoài. Tuy Tr không phải là người tổ chức cho tất cả 20 người lao động trốn ra nước ngoài làm việc bằng hình thức đi du lịch nhưng Tr cũng trực tiếp nhận tiền và hồ sơ của 05 người lao động, nhận thông qua môi giới 09 người lao động, những người lao động này không đủ điều kiện để được cấp Visa nên Tr và đồng bọn phải hợp thức hóa hồ sơ, giấy tờ của những người này thành nhân viên của một số công ty, có hợp đồng lao động, có thu nhập ổn định hàng tháng, được công ty cho nghỉ phép đi du lịch. Ngoài ra, Tr còn ký cam kết với những người lao động đảm bảo việc làm, tiền lương và an ninh cho họ trong thời gian 01 năm, chữ ký và chữ viết trong các bản cam kết này được giám định là chữ ký và chữ viết của Tr. Do đó, hành vi của Nguyễn Đình Tr đã cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

[7] Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình Tr thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 (có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm); bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của Nguyễn Đình Tr, xem xét vai trò, nhân thân của bị cáo và hậu quả của vụ án, xử phạt Nguyễn Đình Tr 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm lại nhận định: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không chứng minh được Nguyễn Đình Tr có hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, vì thủ tục xuất cảnh đi du lịch của 20 người lao động là hợp pháp. Việc Nguyễn Đình Tr ký và đóng dấu của Công ty nhân lực quốc tế HA vào các bản cam kết sẽ là một trong những chứng cứ để có thể xem xét xử lý bị cáo Tr về hành vi tổ chức người khác

ở lại nước ngoài trái phép, nhưng quá trình điều tra chưa thu thập được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Tr có mối nối với những người khác để tổ chức cho 20 người trên ở lại Nhật Bản trái phép. Nguyễn Đình Tr đã nhận tiền của nhiều người với lý do đưa ra là để lo cho họ được đi Nhật Bản làm việc nhưng Tr không hề câu kết với ai để cho những người lao động ở lại Nhật Bản, nên hành vi của Tr có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa được điều tra làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tr về tội “Tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép” là chưa đủ căn cứ vững chắc. Với những chứng cứ hiện có cũng chưa đủ căn cứ để xét xử bị cáo Tr về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” từ đó hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để điều tra lại là sai lầm nghiêm trọng. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng hành vi nhận tiền của Nguyễn Đình Tr có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không đúng với diễn biến của vụ án, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập một cách khách quan có trong hồ sơ vụ án. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Đình Tr về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại nhận định là Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Đình Tr về tội “Tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép” là sai lầm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 382; khoản 2 Điều 388; Điều 390 và Điều 394 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2021/KN-HS ngày 23/7/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2021/HSPT ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên các quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với Nguyễn Đình Tr./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Vụ 7;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND, Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo Nguyễn Đình Tr (theo địa chỉ);
- Người liên quan (theo địa chỉ) (11b);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;
- Lưu: Vụ GDKT1(3b), TKTP, HSVA, VP_{TANDTC}.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cò

